

THỰC TRẠNG THỂ CHẤT CỦA NỮ SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM NHẤT KHOA SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Chu Vương Thìn¹, Y Rôbi Bkrông¹

Ngày nhận bài: 02/07/2025; Ngày phản biện thông qua: 12/08/2025; Ngày duyệt đăng: 15/08/2025

TÓM TẮT

Bài viết đã tập trung làm rõ thực trạng thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN). Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, cũng như thông qua các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao, chúng tôi đã tiến hành so sánh thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN với trung bình thể chất người Việt Nam (TBTCVN). Đồng thời, đánh giá thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau: loại tốt chiếm tỷ lệ 33,06%; loại khá chiếm tỷ lệ 55,63% và loại không đạt chỉ chiếm tỷ lệ 14,31%.

Từ khóa: thể chất, nữ sinh viên, trường Đại học Tây Nguyên.

1. MỞ ĐẦU

Giáo dục thể chất (GDTC) là một lĩnh vực thể dục thể thao (TDTT) xã hội với nhiệm vụ là: “Phát triển toàn diện các tố chất thể lực và trên cơ sở đó phát triển các năng lực thể chất, bảo đảm hoàn thiện thể hình, củng cố sức khỏe, hình thành theo hệ thống và tiến hành hoàn thiện đến mức cần thiết các kỹ năng và kỹ xảo quan trọng cho cuộc sống” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2001; Nguyễn Toán & Phạm Danh Tồn, 2006).

Trường ĐHTN được hình thành ngay từ những năm đầu khi thống nhất đất nước trải qua 48 năm hình thành và phát triển cho đến nay trường đã trở thành một trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực và là trường Đại học tiêu biểu của khu vực Tây Nguyên. Trong công tác đào tạo, Nhà trường rất quan tâm đến công tác GDTC và phát triển thể chất cho sinh viên. Đồng thời, luôn tạo điều kiện cho sinh viên tham gia học tập và tập luyện TDTT chính khóa cũng như ngoại khóa. Tuy nhiên việc tiến hành kiểm tra đánh giá thể chất của sinh viên trong nhà trường chưa được chú trọng, không được tổ chức thường xuyên, định kỳ. Đặc biệt, nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN đây là lực lượng lao động trí thức, tương lai của đất nước. Do đó, cần có những thông tin chính xác về thực trạng thể chất của đối tượng này vô cùng cần thiết, đây là căn cứ quan trọng định hướng cho sinh viên trong việc rèn luyện thể chất, góp phần giáo dục con người toàn diện. Xuất phát từ thực tiễn, chúng tôi tiến hành **đánh giá thực trạng thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa sư phạm Trường ĐHTN**.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Đánh giá thực trạng và so sánh thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN với TBTCVN. Qua đó, chúng tôi

đánh giá thực trạng thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm trường ĐHTN theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ các nội dung nghiên cứu trên chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: phương pháp tham khảo tài liệu, phương pháp kiểm tra sư phạm, phương pháp kiểm tra y sinh học và toán thống kê.

2.3. Khách thể nghiên cứu

Khảo sát 240 nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN gồm: sinh viên ngành giáo dục thể chất: 06 SV; sinh viên ngành giáo dục tiểu học và giáo dục tiểu học – Tiếng Jrai: 100 SV; sinh viên ngành giáo dục mầm non: 114 SV; sinh viên ngành tâm lý giáo dục: 05 SV; sinh viên ngành ngữ văn: 9 SV và sinh viên ngành văn học: 6 SV.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN

Để đánh giá thực trạng thể chất của sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN, chúng tôi tiến hành kiểm tra các tiêu chí đánh giá thể chất của khách thể nghiên cứu gồm 240 nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất. Đồng thời tiến hành kiểm tra đánh giá thể chất của khách thể nghiên cứu gồm: Chiều cao đứng (cm), Cân nặng (kg), Lực bóp tay thuận (kg), Nằm ngửa gập bụng 30 giây (lần), Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 30m xuất phát cao (giây), Chạy con thoi 4x10m (giây) và Chạy tùy sức 5 phút (m). Sau đó tính toán các tham số thống kê giá trị trung bình ($\bar{x}$); độ lệch chuẩn (σ); hệ số biến thiên (C_v), sai số tương đối của giá trị trung bình (ϵ) và độ lớn của mẫu (n) (Lưu Quang Hiệp & Phạm Thị Uyên, 2003; Nguyễn Đức Văn, 2000). Kết quả được trình bày tại các Bảng 1.

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Chu Vương Thìn; Email: cvthinh@ttn.edu.vn.

Bảng 1. Kết quả chỉ tiêu đánh giá thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất Khoa Sư phạm, Trường ĐHTN (n=240)

TT	Tiêu chí đánh giá	$\bar{x}$	σ	$C_v\%$	ε
1	Chiều cao đứng (cm)	158,72	3,51	2,21	0
2	Cân nặng (kg)	51,81	3,49	6,74	0,01
3	Lực bóp tay thuận (kg)	34,97	3,07	8,78	0,01
4	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	15,12	2,29	15,15	0,03
5	Bật xa tại chỗ (cm)	176,46	10,79	6,11	0,01
6	Chạy 30m XPC (giây)	6,15	0,46	7,48	0,01
7	Chạy con thoi 4 x 10m (giây)	13,81	0,78	5,65	0,01
8	Chạy tùy sức 5 phút (m)	814,53	83,49	10,25	0,01

Số liệu tại Bảng 1 cho thấy, hệ số biến thiên (C_v), tham số phản ánh độ biến thiên dao động giữa các cá thể trong tập hợp mẫu, quần thể; ở tất cả các chỉ số của khách thể nghiên cứu đều cho thấy: Các chỉ số có độ đồng nhất cao (đồng nghĩa với độ phân tán dao động nhỏ) giữa các cá thể nghiên cứu ($C_v < 10\%$): chiều cao đứng, cân nặng, lực bóp tay thuận, bật xa tại chỗ, chạy 30m XPC và chạy con thoi 4x10m. Các chỉ số có độ đồng nhất thấp ($C_v > 10\%$): nằm ngửa gập bụng 30 giây và chạy tùy sức 5 phút.

3.2. Đánh giá thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN

Bảng 2. So sánh giá trị trung bình các chỉ tiêu đánh giá thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm với TBTCVN 19 tuổi và cùng giới tính (n=240)

TT	Chỉ tiêu	TBTC SV		TBTCVN		d	t	p
		$\bar{x}$	σ	$\bar{x}$	σ			
1	Chiều cao đứng (cm)	158,72	3,51	153,66	3,51	5,06	8,33	<0,05
2	Cân nặng (kg)	51,81	3,49	45,77	3,49	6,04	6,81	<0,05
3	Lực bóp tay thuận (kg)	34,97	3,07	29,15	3,07	5,82	5,44	<0,05
4	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	15,12	2,29	12	2,29	3,12	7,92	<0,05
5	Bật xa tại chỗ (cm)	176,46	10,79	159	10,79	17,46	10,87	<0,05
6	Chạy 30m XPC (giây)	6,15	0,46	6,19	0,46	-0,04	12,49	<0,05
7	Chạy con thoi 4 x 10m (giây)	13,81	0,78	12,62	0,78	1,19	7,47	<0,05
8	Chạy tùy sức 5 phút (m)	814,53	83,49	729	83,49	85,53	9,41	<0,05

Qua kết quả tổng hợp ở Bảng 2 cho thấy:

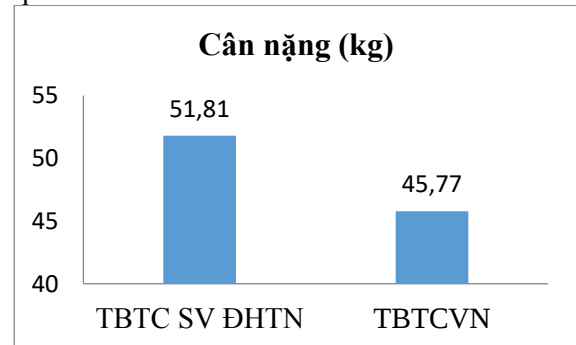
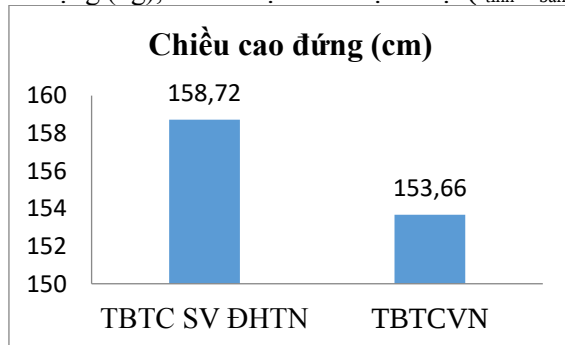
Về hình thái: Khi so sánh sự khác biệt giữa nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN với TBTCVN 19 tuổi và cùng giới tính cho thấy, các chỉ số: Chiều cao đứng (cm), Cân nặng (kg), đều có sự khác biệt rõ rệt ($t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$)

với tiêu chuẩn người Việt Nam cùng lứa tuổi và giới tính

Để có cái nhìn khái quát và cụ thể về thực trạng thể chất của khách thể nghiên cứu, trong nghiên cứu này chúng tôi so sánh với thực trạng thể chất người Việt Nam 2013 (Dương Nghiệp Chí và cộng sự, 2013; Lê Văn Lâm và cộng sự, 2000). Kết quả so sánh giá trị trung bình các chỉ tiêu đánh giá thể chất của khách thể nghiên cứu và trung bình thể chất Việt Nam TBTCVN 19 tuổi và cùng giới tính được trình bày tại Bảng 2.

với $P < 0,05$) của sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm trường ĐHTN đều cao hơn so với thể chất người Việt Nam có cùng độ tuổi và giới tính.

Kết quả so sánh về hình thái còn được thể hiện qua biểu đồ 1.

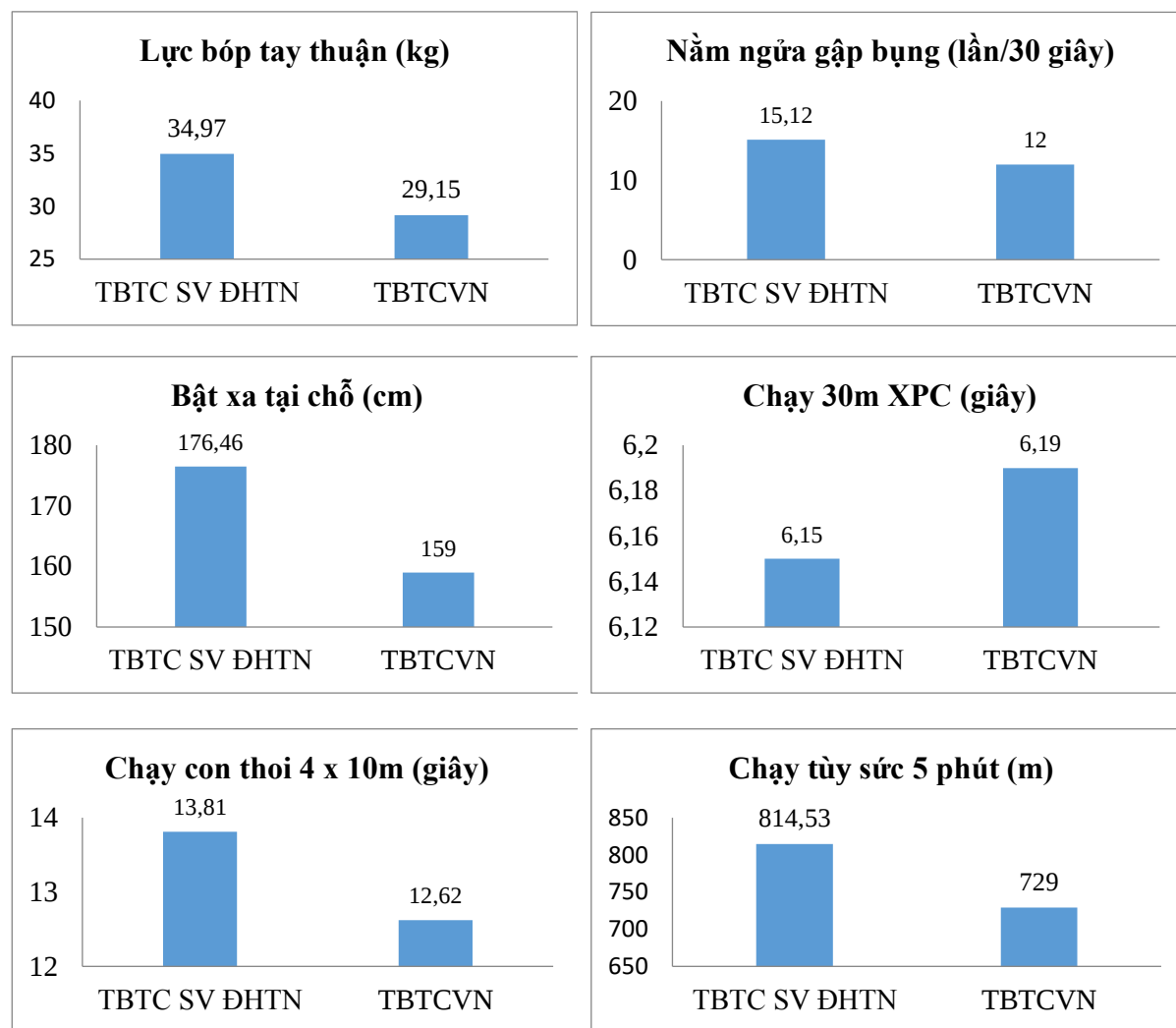


Biểu đồ 1. So sánh giá trị trung bình các tiêu chí đánh giá hình thái của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN với TBTCVN 19 tuổi và cùng giới tính

Về thể lực chung: Từ kết quả kiểm tra các test đánh giá tố chất thể lực chung của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN cho thấy, có 5/6 test đánh giá thể lực chung của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN đều tốt hơn so với kết quả điều tra thể chất người Việt Nam ở cùng độ tuổi và giới tính, chỉ có test chạy con thoi 4x10m (giây) là kém hơn do sức mạnh của chân, độ khéo

léo và linh hoạt trong di chuyển. Sự khác biệt rõ rệt thể hiện với $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất thống kê $P < 0,05$. Qua đó cho thấy, các chỉ số về thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN gần như là đều tốt hơn so với thể chất người Việt Nam có cùng độ tuổi và giới tính.

Kết quả so sánh về thể lực còn thể hiện qua biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. So sánh giá trị trung bình các tiêu chí đánh giá thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN với TBTCVN 19 tuổi và cùng giới tính

3.3. Đánh giá thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN theo quyết định 53/2008/QĐ-BGD&ĐT

Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GD&ĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008). Về đánh giá, xếp loại thể lực học sinh,

SV được phân loại theo đánh giá tốt, đạt và không đạt, kết quả đánh giá trên nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm trường Đại học Tây Nguyên theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT được trình bày tại Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả xếp loại thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGD&ĐT (n=240)

TT	Test	Đánh giá xếp loại thể lực					
		Tốt		Đạt		Chưa đạt	
		n	%	n	%	n	%
1	Lực bóp tay thuận (kg)	87	36,25	131	54,58	22	9,17

2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	80	33,33	123	51,25	37	15,42
3	Bật xa tại chỗ (cm)	92	38,34	119	49,58	29	12,08
4	Chạy 30m XPC (giây)	74	30,83	148	61,67	18	7,50
5	Chạy con thoi 4 x 10m (giây)	32	13,34	128	53,33	80	33,33
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	68	28,33	152	63,34	20	8,33
Trung bình		-	30,06	-	55,63	-	14,31

Số liệu Bảng 3 cho thấy, kết quả xếp loại theo từng tiêu chí và thể lực cụ thể như sau:

- Lực bóp tay thuận (kg): Loại tốt có 87 SV chiếm tỷ lệ 36,25%; Loại đạt có 131 SV chiếm tỷ lệ 54,58%; Loại chưa đạt có 22 SV chiếm tỷ lệ 9,17%.

- Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây): Loại tốt có 80 SV chiếm tỷ lệ 33,33%; Loại đạt có 123 SV chiếm tỷ lệ 51,25%; Loại chưa đạt có 37 SV chiếm tỷ lệ 15,42%.

- Bật xa tại chỗ (cm): Loại tốt có 92 SV chiếm tỷ lệ 38,34%; Loại đạt có 119 SV chiếm tỷ lệ 49,58%; Loại chưa đạt có 29 SV chiếm tỷ lệ 12,08%.

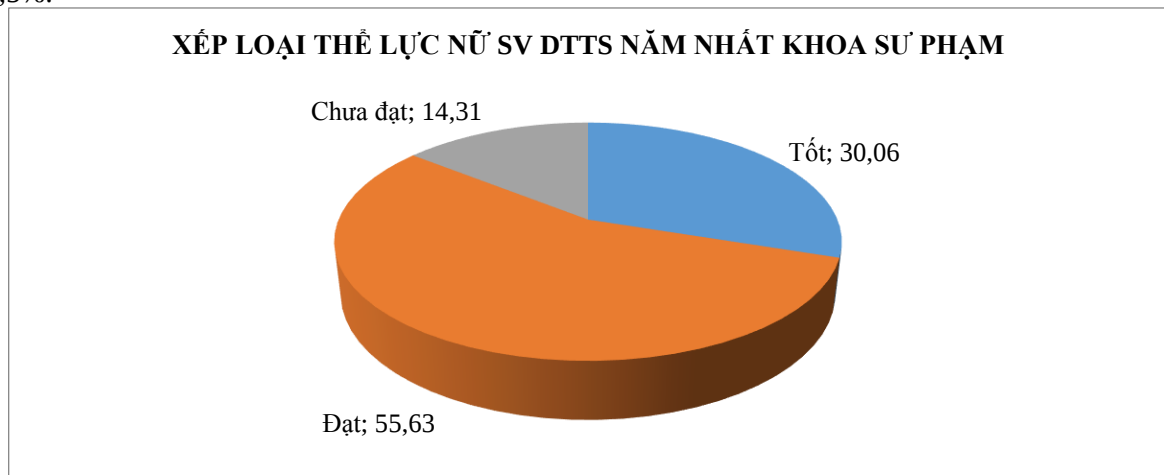
- Chạy 30m xuất phát cao (giây): Loại tốt có 74 SV chiếm tỷ lệ 30,83%; Loại đạt có 148 SV chiếm tỷ lệ 61,67%; Loại chưa đạt có 18 SV chiếm tỷ lệ 7,5%.

- Chạy con thoi 4×10m (giây): Loại tốt có 32 SV chiếm tỷ lệ 13,34%; Loại đạt có 128 SV chiếm tỷ lệ 53,33%; Loại chưa đạt có 80 SV chiếm tỷ lệ 33,33%.

- Chạy 5 phút tùy sức (m): Loại tốt có 68 SV chiếm tỷ lệ 28,33%; Loại đạt có 152 SV chiếm tỷ lệ 63,34%; Loại chưa đạt có 20 SV chiếm tỷ lệ 8,33%.

Kết quả xếp loại thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT như sau: Xếp loại tốt chiếm tỷ lệ 30,06%; Xếp loại đạt chiếm tỷ lệ 55,63%; Xếp loại chưa đạt chiếm tỷ lệ 14,31%.

Kết quả xếp loại thể lực theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT còn thể hiện qua Biểu đồ 3.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ % xếp loại thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT

Kết quả tại bảng 3 và biểu đồ 3 cho thấy, trình độ thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN so với tiêu chuẩn đánh giá thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ở mức tương đối cao.

4. KẾT LUẬN

Thực trạng thể chất của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN với các chỉ số về hình thái đều phát triển hơn so với TBTCVN ở cùng độ tuổi, đồng thời các chỉ số

về thể lực chung cũng có 5/6 test tốt hơn so với TBTCVN cùng độ tuổi.

So với tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thì trình độ thể lực của nữ sinh viên dân tộc thiểu số năm nhất khoa Sư phạm Trường ĐHTN đạt tỷ lệ tốt và đạt tương đối cao, cụ thể: loại tốt chiếm tỷ lệ 30,06%; loại khá chiếm tỷ lệ 55,63% và loại chưa đạt chiếm tỷ lệ 14,31%.

**PHYSICAL STATUS OF FEMALE ETHNIC MINORITY STUDENTS IN THE FIRST YEAR
OF THE FACULTY OF EDUCATION, TAY NGUYEN UNIVERSITY**

Chu Vuong Thin¹, Y Robi Bkrong¹

Received Date: 02/07/2025; Revised Date: 12/08/2025; Accepted for Publication: 15/08/2025

ABSTRACT

The article focuses on clarifying the physical condition of first-year ethnic minority female students of the Faculty of Education, Tay Nguyen University (TNU). Based on theoretical and practical grounds, as well as through basic scientific research methods in the field of physical education and sports, we compared the physical condition of first-year ethnic minority female students of the Faculty of Education, TNU with the average physical condition of Vietnamese people (TBTCVN). At the same time, the physical condition of first-year ethnic minority female students of the Faculty of Education, TNU was assessed according to Decision 53/2008/QĐ-BGDĐT dated September 18, 2008 of the Minister of Education and Training as follows: good type accounts for 33.06%; fair type accounts for 55.63% and unsatisfactory type accounts for only 14.31%.

Keywords: *physical, female students, Tay Nguyen University.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001). *Quy chế về công tác Giáo dục Thể chất*.
Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*.
Dương Nghiệp Chí và cộng sự (2013). *Thể chất người Việt Nam từ 6 đến 60 tuổi đầu thế kỷ XXI*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
Luu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (2003). *Sinh lý học thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
Lê Văn Lắm, Vũ Đức Thu, Nguyễn Trọng Hải, Vũ Thị Huệ (2000). *Thực trạng phát triển thể chất học sinh, sinh viên Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2006). *Lý luận và PP TDTT*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
Nguyễn Đức Văn (2000). *Phương pháp Thống kê trong TDTT*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Chu Vuong Thin; Email: cvthin@ttn.edu.vn.